MỘT CÁI NHÌN SINH THÁI TRONG *TUỔI THƠ DỮ DỘI* (PHÙNG QUÁN) VÀ *NHỮNG NHÂN CHỨNG CUỐI CÙNG*[1] (SVETLANA ALEXIEVICH)

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: *Bài viết trình bày kết quả quá trình tiếp cận Tuổi thơ dữ dội (Phùng Quán) và Những nhân chứng cuối cùng (Svetlana Alexievich) từ góc nhìn phê bình sinh thái – một hướng lý luận hiện đại chú trọng mối quan hệ giữa con người (đặc biệt là trẻ em) với tự nhiên trong bối cảnh chiến tranh và khủng hoảng. Phê bình sinh thái đặt ra vấn đề sự sống còn, tổn thất sinh thái, ký ức môi trường và khả năng tái lập quan hệ hài hòa giữa con người với thiên nhiên. Từ đó, hai tác phẩm được xem như những bằng chứng cho sự đứt gãy trong đời sống tinh thần của những đứa trẻ kinh qua chiến tranh và sự vỡ lở trong cấu trúc môi trường gắn với chiến tranh.*
Từ khóa: *Chiến tranh; những nhân chứng cuối cùng; phê bình sinh thái; trẻ thơ; tuổi thơ dữ dội.*

Nhận bài ngày 05.09.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 27.10.2025
Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Thanh Huyền; email: huyenntt@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tuổi thơ dữ dội (Phùng Quán) là một tác phẩm lớn, đã được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu từ nhiều góc độ như cảm hứng sử thi, thế sự, phân tích nhân vật, mỹ học ấu nhi… Các công trình đều thống nhất khẳng định giá trị tư tưởng – nghệ thuật đặc sắc của tiểu thuyết, coi đây là đỉnh cao của văn học thiếu nhi Việt Nam hiện đại. Tuy nhiên, đến nay, vẫn chưa có nghiên cứu nào tập trung khai thác vấn đề trẻ em trong chiến tranh gắn với môi trường sinh thái – vốn là không gian sống, ký ức và nơi trú ẩn tinh thần của nhân vật. Thiên nhiên trong tác phẩm thường chỉ được nhìn như bối cảnh, chưa được tiếp cận như một hệ sinh thái gắn bó mật thiết với đời sống trẻ thơ. Việc đọc *Tuổi thơ dữ dội* trong sự đối chiếu với *Những nhân chứng cuối cùng* (Svetlana Alexievich), dưới góc nhìn phê bình sinh thái, sẽ mở ra nhiều phát hiện mới: chiến tranh không chỉ để lại vết thương trong ký ức trẻ em, mà còn hằn sâu tổn thất môi sinh. Qua đó, trẻ thơ hiện lên không chỉ như nhân chứng lịch sử mà còn là nhân chứng sinh thái; góp phần gợi mở chiều kích mới mẻ cho nghiên cứu mảng văn học giàu ý nghĩa, giá trị nhân văn này.

2. NỘI DUNG

2.1. Cảm thức sinh thái trẻ thơ trong văn học viết về chiến tranh

Xem xét tiểu thuyết *Tuổi thơ dữ dội* (Phùng Quán) trong mối liên hệ với truyện tư liệu *Những nhân chứng cuối cùng* (Svetlana Alexievich) theo hướng phê bình sinh thái, nghiên cứu đi theo hướng xem phê bình sinh thái là một hướng tiếp cận văn học – môi trường. Thực tế, khuynh hướng phê bình sinh thái (Ecocriticism) hay lý luận văn học môi trường (environmental literary criticism) đã xuất hiện từ cuối thế kỷ XX, phát triển mạnh mẽ trong bối cảnh khủng hoảng sinh thái toàn cầu.

[1] Nhan đề nguyên bản: *Последние свидетели;* Nhan đề tiếng Anh: *Last witnesses: unchildlike stories.*
Svetlana Alexievich (31/5/1948) – nữ nhà văn, nhà báo người Belarus, tác giả của nhiều sáng tác nổi tiếng viết về "kí ức trẻ thơ", giải Nobel văn chương năm 2015. *Những nhân chứng cuối cùng* là quyển thứ hai trong loạt năm quyển "Những giọng nói không tưởng": *Chiến tranh không mang một khuôn mặt phụ nữ*, *Những cậu bé kẽm*, *Lời nguyện cầu Chernobyl* và *Thời second hand*.

Theo Cheryll Glotfelty – một trong những người đặt nền móng cho phê bình sinh thái Anglo - Mỹ, "phê bình sinh thái nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học và môi trường tự nhiên trong một thế giới ngày càng bị tổn thương sinh thái" [8]. Không dừng lại ở việc tìm kiếm hình ảnh thiên nhiên trong tác phẩm, phê bình sinh thái đặt câu hỏi về cách thức con người hình dung, đối thoại và tác động đến thế giới tự nhiên trong văn hóa, xem văn học như một phương tiện quan trọng để nhận thức, phản tư về khủng hoảng sinh thái.

Phê bình sinh thái hiện nay không chỉ tập trung vào môi trường thiên nhiên thuần túy mà đã mở rộng thành các nhánh như *sinh thái nhân văn* (human ecology), phê bình *sinh thái đô thị* (urban ecocriticism), *sinh thái học văn hóa* (cultural ecology), đặc biệt là phê bình *sinh thái trẻ em* (children's ecocriticism) – nơi trẻ em được xem là một chủ thể thẩm mỹ – đạo đức trong mối quan hệ với tự nhiên. Đây là nền tảng quan trọng để luận văn tiếp cận hai tác phẩm từ lăng kính sinh thái, với trọng tâm là cảm thức sinh thái trong ký ức chiến tranh của trẻ thơ. Khái niệm "cảm thức sinh thái trẻ thơ" (child ecological consciousness) được dùng để chỉ cách trẻ em cảm nhận, gắn bó và tương tác với môi trường tự nhiên bằng trực giác, cảm xúc và kinh nghiệm cá nhân cụ thể, thay vì qua tư duy trừu tượng hay phân tích logic như người lớn. Khái niệm này phát triển từ những nghiên cứu thuộc lĩnh vực tâm lý học phát triển, giáo dục môi trường và phê bình sinh thái học trẻ em (children's ecocriticism). Nhà nghiên cứu Catriona Sandilands và các tác giả trong tuyển tập *Wild Things: Children's Culture and Ecocriticism* (2004) [9] nhấn mạnh rằng trẻ em có một "nhận thức môi sinh tiền ngôn ngữ" - tức là chúng cảm nhận thiên nhiên thông qua cơ thể, giác quan, tình cảm và tưởng tượng trước khi hình thành ngôn ngữ khái niệm. Tương tự, học giả David Sobel [10] cũng cho rằng trẻ em phát triển tình cảm gắn bó sâu sắc với những không gian tự nhiên gần gũi, thường xem thiên nhiên như một phần mở rộng của thế giới nội tâm.

Trong văn học, cảm thức sinh thái trẻ thơ thể hiện ở việc trẻ xem thiên nhiên như một thực thể sống động, có thể trò chuyện, chia sẻ và là nơi trú ẩn tinh thần, nhất là trong chiến tranh. Khi thiên nhiên bị tàn phá cùng bom đạn, nỗi đau của trẻ không chỉ đến từ mất mát người thân mà còn từ sự đổ vỡ của môi trường gắn bó. Vì thế, ký ức chiến tranh ở trẻ em thường song đôi: vừa lưu giữ sự kiện lịch sử, vừa khắc ghi tổn thương sinh thái – những cánh đồng cháy, mùi cỏ khô, hay cảm giác "*đất cũng đau khi chúng bước qua*".

Nếu đặt vào khung lý thuyết sinh thái, chúng ta có thể thấy rõ hơn mối liên hệ giữa tổn thương tinh thần của trẻ em và sự đứt gãy của môi trường sống. Những đứa trẻ trong chiến tranh không chỉ mất mát gia đình, tuổi thơ hay sự an toàn, mà còn chứng kiến sự hủy hoại của thiên nhiên – vốn là nơi bám rễ đầu tiên của cảm giác an toàn và gắn bó. *Tuổi thơ dữ dội* và *Những nhân chứng cuối cùng* đều phản ánh những trải nghiệm như thế. Từ cảm thức về một dòng sông bị đánh bom, cánh rừng cháy trụi, tổ chim bị phá hủy… ký ức trẻ thơ trở thành nơi lưu giữ những lát cắt sinh thái chân thực nhất. Phê bình sinh thái vì thế giúp khám phá thêm một lớp nghĩa tiềm ẩn trong văn học chiến tranh dành cho thiếu nhi – nơi trẻ em không chỉ là nhân chứng lịch sử, mà còn là nhân chứng sinh thái. Việc so sánh này còn có ý nghĩa trong việc phát lộ ra những ý nghĩa mới của các tác phẩm văn học thiếu nhi vốn đã rất quen thuộc với các thế hệ độc giả Việt Nam.

2.2. Thiên nhiên như không gian cảm xúc, ký ức và đạo đức bản nguyên của tuổi thơ

Trong hai tác phẩm, thiên nhiên được xây dựng như không gian cảm xúc, ký ức và đạo đức bản nguyên của tuổi thơ. Không xuất hiện liên tục song mỗi lần được miêu tả, thiên nhiên trong mỗi tác phẩm không chỉ đóng vai trò là phông nền cho những biến cố lịch sử mà còn là một phần cấu thành nên thế giới nội tâm của nhân vật trẻ em. Thiên nhiên hiện diện không như yếu tố tả cảnh thông thường, mà như một thực thể sống – nơi trẻ em cảm nhận, phản ứng, tổn thương và yêu thương. Điều này phản ánh một cách nhìn mang màu sắc phê bình sinh thái, trong đó thiên nhiên gắn liền với sự hình thành cảm xúc và đạo đức ban sơ của con người – đặc biệt là trẻ nhỏ trong hoàn cảnh chiến tranh.

Trong *Tuổi thơ dữ dội* [1], thiên nhiên luôn được xuất hiện với tư cách không gian sống – chiến đấu và gắn liền với những dấu ấn cảm xúc của các nhân vật. Thiên nhiên miền Trung với núi rừng, khe suối, bầu trời đầy mưa và sương – hiện diện như một bạn đồng hành trong hành trình chiến đấu và trưởng thành của các thiếu niên trinh sát. Rừng không chỉ là nơi ẩn náu, là địa hình chiến đấu, mà

còn là chốn gợi lên những cảm xúc tinh khôi của tuổi thơ. Đặc biệt, những cơn mưa dầm dề ở Huế được Phùng Quán miêu tả bằng vài nét sơ giản nhưng là ấn tượng không thể thiếu trong đặc trưng thời tiết vùng đất này. Những cơn mưa xứ Huế – không chỉ là bối cảnh thời tiết, mà là biểu hiện sâu xa của cảm xúc, tâm trạng và số phận con người trong chiến tranh. Phùng Quán không tả mưa chỉ để dựng cảnh, mà khắc họa một không khí ẩm ướt, lạnh lẽo, thấm sâu vào da thịt – nơi mà những thiếu niên như Mừng, Quỳnh Sơn Ca, Lượm và đồng đội của các em phải trưởng thành giữa rét buốt, thiếu thốn và mất mát. Ngay từ đầu truyện, không khí ẩm ướt và lạnh lẽo của Huế được miêu tả đầy ám ảnh: "*Trời mưa suốt từ sáng đến giờ. Những hạt mưa bụi như mù trời, gió thì từng cơn giật rét buốt luồn qua khe cửa, thấm vào tận xương tủy*." Trong một đoạn khác, khi Mừng đi gác trong đêm, cơn mưa rừng dai dẳng khiến em co ro vì lạnh, "*nước mưa len lỏi qua cổ áo, chảy dọc sống lưng*". Trong một cảnh rừng mưa khác, Phùng Quán viết: "*Những giọt nước rơi lộp bộp trên mũ lá cọ, lăn xuống gáy... Mừng co ro vì lạnh, nhưng đôi mắt nó sáng lên vì được nằm cạnh anh em*". Cảnh vật không tách rời con người – mà hòa quyện trong cảm giác thấm lạnh, đói, run rẩy và cả ấm áp bên đồng đội. Cơn mưa không chỉ mang tính chất vật lý, mà còn mang tính biểu cảm. Cơn mưa xuất hiện khi Mừng lần đầu đơn độc làm nhiệm vụ trinh sát – vừa thể hiện sự thử thách, vừa gợi cảm giác cô đơn, lo lắng, lại vừa là phép thử bản lĩnh. Trong đêm mưa ấy, những tiếng rì rào của rừng, tiếng mưa rơi không dứt, những vệt nước thấm lạnh làm cho nỗi sợ của tuổi thơ hiện lên chân thực và xúc động.

Trái ngược với *Tuổi thơ dữ dội* – nơi thiên nhiên là không gian chiến đấu, thử thách, nơi bộc lộ cá tính nhân vật, trong *Những nhân chứng cuối cùng* [2], thiên nhiên hiện lên như một thế giới đã mất, một không gian cảm xúc bị cắt lìa bởi bạo lực chiến tranh. Thiên nhiên trong lời kể của trẻ em Xô viết không còn là nơi trú ẩn hay hành động, mà là ký ức dịu dàng cuối cùng về một thời bình yên – trước khi bom đạn xóa mờ mọi chuẩn mực. Nói cách khác, thiên nhiên trong chiến tranh không chỉ là môi trường bị hủy diệt, mà còn là ký ức, cảm xúc và đạo đức bản nguyên – thứ mà trẻ em níu giữ để không bị vỡ vụn hoàn toàn. Thiên nhiên trở thành "nhân chứng thứ hai", im lặng nhưng sâu sắc, song hành với nỗi đau con người. Trước hết, thiên nhiên các câu chuyện có tính tư liệu này hiện lên như nơi khởi nguồn của những xúc cảm nguyên sơ nhất – tình mẫu tử, sự sống, cái đẹp. Một cậu bé kể lại về người mẹ yêu dấu của mình qua những hình ảnh thiên nhiên gắn liền với đời sống thường nhật: "*Bà nướng bánh mì ngon nhất làng, bà có những luống rau đẹp nhất vườn. Những bông hoa thược dược to nhất nở ở hàng rào và trong sân nhà chúng tôi*…" [2, tr.221]. Những chi tiết ấy không chỉ là bối cảnh, mà còn là biểu hiện của một thế giới thuần hậu, nơi mỗi bông hoa, mỗi luống rau đều mang theo hơi ấm của tình thân. Thiên nhiên ở đây không có gì lớn lao hay hùng vĩ, nhưng lại chính là nền móng cho đời sống tâm hồn trẻ nhỏ: một miền quê từng có mẹ, có hoa thược dược, có cảm giác an toàn và yêu thương – trước khi mọi thứ bị tước đoạt. Chiến tranh xóa bỏ nhiều thứ: tên người, tên làng, tên trường học… nhưng không thể xóa được ký ức về một bông hoa. Một người phụ nữ kể về lần nhìn thấy một bông hoa vàng mọc lên bên bãi tro lò thiêu: "*Tôi vuốt ve bông hoa. Những phụ nữ khác cũng vuốt ve nó*…" [2, tr.157]. Trong khung cảnh địa ngục của trại tập trung, cử chỉ vuốt ve bông hoa mang ý nghĩa của một hành vi cứu rỗi, như thể chỉ cần một dấu hiệu sống, một mảnh thiên nhiên nhỏ nhoi, con người vẫn còn lý do để gìn giữ phẩm giá và ký ức. Bông hoa ấy không chỉ là vật thể, mà là hình ảnh tượng trưng cho khát vọng về một thế giới bình thường, nơi con người biết rung động trước vẻ đẹp mong manh và thánh thiện của sự sống.

Đặt hai tác phẩm, ta thấy thiên nhiên trong *Tuổi thơ dữ dội* mang sắc thái "đồng hiện, đồng hành" còn trong *Những nhân chứng cuối cùng* thiên về "ký ức mất mát". Ở Phùng Quán, rừng núi và thiên nhiên là hiện tại sống động – nơi thiếu nhi chiến đấu và yêu thương; còn ở Svetlana Alexievich, thiên nhiên chủ yếu tồn tại trong hồi ức – là điều đã mất hoặc bị cắt lìa khỏi đứa trẻ. Nhưng ở cả hai trường hợp, thiên nhiên đều đóng vai trò thiết yếu trong việc hình thành đời sống cảm xúc và nhân sinh quan của nhân vật thiếu nhi. Điều đặc biệt là, dù ở trạng thái sống động hay tan vỡ, thiên nhiên đều gợi nên ý thức về cái thiện, về sự sống. Galina Arsenyevna Shtonda trong *Những nhân chứng cuối cùng* kể ký ức khi mình là cô bé 6 tuổi rằng năm đó em không khóc khi mất cha, nhưng lại gào thét khi thấy xác con mèo bị thiêu cháy: "*Tôi không khóc khi bố chết... Tôi*